

Van
VOFC-LT-M32C-
Số bộ phận: 2868687

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	3/2 đóng đơn ổn định
Kiểu vận hành	điện
Chiều rộng lắp đặt	51 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	595 l/ph...2794 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	Tấm kết nối G1/4 G1/2 1/4 NPT 1/2 NPT
Áp suất vận hành	0.1 MPA...0.8 MPA 1 bar...8 bar 14.5 psi...116 psi
Cấu trúc xây dựng	van đĩa piston điều khiển trước
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Mức độ bảo vệ	IP50 IP65
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (IEC-EX) EPL Db (KR) EPL Gb (IEC-EX) EPL Gb (KR)
Cơ quan cấp chứng chỉ	BVS14ATEXE098X IECEX BVS14.0063X KGS15-GA4BO-0565X TÜV 968/V 1251.00/24
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex ia IIC T6, T5 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex ia IIIC T85°C, T125°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	T5, T125°C: -40°C ≤ Ta ≤ +70°C T6, T85°C: -40°C ≤ Ta ≤ +30°C
Chiều rộng định mức	6 mm...12 mm
Nguyên lý bít	cứng
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Nút ghi đè	không

Đặc tính	Giá trị
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài trong
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Chức năng an toàn	Thông hơi an toàn
Safety Integrity Level (SIL)	đến SIL 3 High Demand mode đến chế độ SIL 3 Low Demand
Lưu ý về áp suất vận hành	0 - 0,8 bar ở khí điều khiển ngoài
Tốc độ dòng chảy Kv thông gió	0.54 m³/h...2.56 m³/h
Thông khí lưu lượng Kv	0.54 m³/h...2.56 m³/h
Lưu lượng định mức thông thường 2-3	1066 l/ph...4224 l/ph
Thời gian chuyển mạch tắt	14 ms...18 ms
Thời gian chuyển mạch bật	24 ms...25 ms
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (IEC EX) Vùng 1 (KR) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (IEC EX) Vùng 21 (KR) Vùng 22 (ATEX)
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:2:2]
Lớp chống ăn mòn KBK	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ trung bình	-25 °C...60 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	550 g...985 g
Cổng nối khí nén 1	M5 G1/4 G1/2 1/4 NPT 1/2 NPT Sơ đồ kết nối NAMUR
Cổng nối khí nén 2	Mặt bích 1/4 Mặt bích 1/2 G1/4 G1/2 1/4 NPT 1/2 NPT cổng kết nối cho van NAMUR
Cổng nối khí nén 3	G1/4 G1/2 1/4 NPT 1/2 NPT
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phớt	EPDM NBR VMQ
Vật liệu vỏ	Nhôm phủ Ematal PBT-gia cố thép hợp kim cao không gỉ